

Số: 861 /QĐ-UBND

Buôn Hồ, ngày 27 tháng 03 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2025
của phường Buôn Hồ**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BUÔN HỒ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND, ngày 20/3/2026 của HĐND phường về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2025 của phường Buôn Hồ;

Xét đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Buôn Hồ tại Tờ trình số 182 /TTr-KTHTĐT ngày 26/03/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách Nhà nước năm 2025 của phường Buôn Hồ.

(Chi tiết như biểu mẫu đính kèm).

Điều 2. Chánh Văn phòng HĐND-UBND phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc ngân sách phường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này, kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- TT Đảng ủy (b/c);
- TT HĐND phường (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- Ban KTNS HĐND phường;
- PGD số 10 - KBNN Khu vực XIV;
- Trường Thuế cơ sở 4 tỉnh Đắk Lắk;
- Website phường;
- Lưu VT, KTHTĐT (TV-10b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG
CHỦ TỊCH**

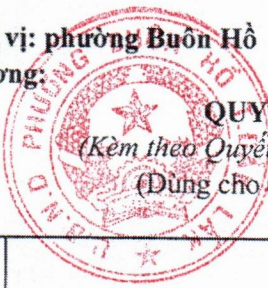


Nguyễn Ngọc Hùng

Đơn vị: phường Buon Hồ

Mẫu biểu số 76

Chương:



QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 861/QĐ-UBND ngày 27/3/2026 của UBND phường Buon Hồ)

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	343.647,913	343.647,913		
I	Số thu phí, lệ phí	343.647,913	343.647,913		
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
	Lệ phí...				
2	Phí, lệ phí	821,510	821,510		
	Phí, lệ phí Trung ương				
	Phí, lệ phí Tỉnh	1,800	1,800		
	Phí, lệ phí Huyện	202,897	202,897		
	Phí, lệ phí xã	616,813	616,813		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa	15,630	15,630		
	- Thuế giá trị gia tăng	15,630	15,630		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp				
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	2.012,343	2.012,343		
	- Thuế giá trị gia tăng	2.012,343	2.012,343		
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp				
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt				
	- Thuế tài nguyên				
5	Lệ phí trước bạ				
6	Thu khác ngân sách	750,604	750,604		
7	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	176,407	176,407		
8	Thuế thu nhập cá nhân	1.071,790	1.071,790		
9	Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh	336.031,799	336.031,799		
	Bổ sung cân đối	234.201,000	234.201,000		
	Bổ sung có mục tiêu	101.830,799	101.830,799		
10	Thu chuyển nguồn	1.297,790	1.297,790		
11	Thu kết dư ngân sách	1.470,039	1.470,039		
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
III	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	343.647,976	343.647,976		
I	Nguồn ngân sách trong nước	343.647,976	343.647,976		
1	Chi quản lý hành chính	52.233,785	52.233,785	-	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	39.033,301	39.033,301		
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	13.200,484	13.200,484		
2	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	198,270	198,270	-	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	198,270	198,270		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	177.308,113	177.308,113		

Handwritten signature and initials.

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Ghi chú
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	162.738,417	162.738,417		
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	14.569,696	14.569,696		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	69,393	69,393		
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	69,393	69,39		
5	Chi bảo đảm xã hội	68.373,560	68.373,56		
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	68.373,560	68.373,56		
6	Chi hoạt động kinh tế	9.251,562	9.251,56		
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	9.251,562	9.251,56		
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	479,985	479,99		
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	479,985	479,99		
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	3.473,239	3.473,24		
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.473,239	3.473,24		
9	Chi sự nghiệp phát triển, truyền thông, trong đó:	2.650,042	2.650,04		
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.650,042	2.650,04		
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	1.465,900	1.465,90		
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.465,900	1.465,90		
11	Chi quốc phòng, hỗ trợ thực hiện 1 số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW	3.897,238	3.897,24		
11.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
11.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.897,238	3.897,24		
12	Chi an ninh trật tự, an toàn xã hội, hỗ trợ thực hiện 1 số nhiệm vụ chi thuộc nhiệm vụ của NSTW	4.364,043	4.364,04		
12.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
12.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	4.364,043	4.364,04		
13	Chi khác	300,000	300,00		
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	300,000	300,00		
14	Chi chuyển nguồn	17.473,545	17.473,55		
15	Chi nộp ngân sách cấp trên	2.109,301	2.109,30		
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

Handwritten signature and initials

Buôn Hồ, ngày 27 tháng 3 năm 2026

THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN NSNN NĂM 2025:

Về tổng quyết toán thu ngân sách Nhà nước, chi ngân sách địa phương năm 2025, như sau:

I. NHIỆM VỤ THU, CHI NSNN NĂM 2025:

Nghị quyết số 16/NQ-HĐND, ngày 15/8/2025 của HĐND phường Buôn Hồ về phân bổ dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2025; và Nghị quyết số 20/NQ-HĐND, ngày 31/10/2025 của HĐND phường Buôn Hồ về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước phường Buôn Hồ năm 2025 đã quyết định nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2025 trên địa bàn phường bao gồm các chỉ tiêu:

1. Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 17.123.000.000 đồng

Bao gồm:

Thu nội địa: 17.123.000.000 đồng,

2. Tổng thu cân đối ngân sách địa phương: 339.410.210.000 đồng.

- Nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng 100%: 174.000.000 đồng
- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %: 1.029.000.000 đồng
- Các khoản thu tỉnh thu NSP hưởng: 1.600.000.000 đồng
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 336.605.210.000 đồng

Trong đó:

+ Bổ sung cân đối ngân sách: 234.201.000.000 đồng

+ Bổ sung có mục tiêu: 102.406.210.000 đồng

3. Tổng chi ngân sách địa phương 337.580.655.123 đồng.

Trong đó: Chi thường xuyên: 240.328.212.123 đồng;

Chi thực hiện CT mục tiêu QG và một số nhiệm vụ: 97.252.443.000 đồng.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUYẾT TOÁN NSNN NĂM 2025:

II.1. Tổng thu ngân sách trên địa bàn năm 2025: 568.543.604.874 đồng;

Trong đó:

1. Thu nội địa: 229.743.976.329 đồng/17.123.000.000 đồng, đạt 1.341,7% dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND phường giao.

2. Thu kết dư ngân sách năm trước: 1.470.038.890 đồng

3. Thu chuyển nguồn: 1.297.790.424 đồng

4. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 336.031.799.231 đồng

Trong đó:

- Bổ sung cân đối ngân sách: 234.201.000.000 đồng

- Bổ sung có mục tiêu: 101.830.799.231 đồng

II.2. Tổng thu cân đối ngân sách địa phương được hưởng: 343.647.976.012 đồng, bao gồm:

- Nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng 100%: 821.510.056 đồng

- Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ %: 4.026.837.411 đồng

- Thu kết dư ngân sách năm trước: 1.470.038.890 đồng

- Thu chuyển nguồn sang năm sau: 1.297.790.424 đồng

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 336.031.799.231 đồng

Trong đó:

+ Bổ sung cân đối ngân sách: 234.201.000.000 đồng

+ Bổ sung có mục tiêu: 101.830.799.231 đồng

(Kèm theo mẫu biểu số I, II)

II.3. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2025:

Tổng quyết toán chi ngân sách địa phương: 343.647.976.012 đồng.

1. Tổng chi trong cân đối ngân sách địa phương: 324.065.130.199 đồng.

- Chi thường xuyên: 324.065.130.199 đồng. Trong năm ngân sách, một số nhiệm vụ chi phát sinh vượt so với dự toán đầu năm chủ yếu chi thực hiện chế độ theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP và Nghị định 67/2025/NĐ-CP với tổng số tiền hơn 50,4 tỷ đồng. Bên cạnh đó, chi cho đảm bảo xã hội cũng tăng cao so với định mức phân bổ đầu năm, do tính bổ sung có mục tiêu để thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Bao gồm hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội, miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, cùng với các khoản chi trả chính sách, chế độ khác theo Nghị quyết 07/2025/NQ-CP, tổng cộng khoảng 1,6 tỷ đồng. Ngoài các khoản chi lớn nói trên, ngân sách còn phát sinh nhiều nhiệm vụ khác như: hỗ trợ sắp xếp hành chính cấp xã (2,5 tỷ đồng), đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ sắp xếp đơn vị hành chính (1,4 tỷ đồng), chi trả chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức chịu tác động do sắp xếp (154 triệu đồng), bổ sung tiền công hợp đồng theo Nghị định 111 (402 triệu đồng), tổ chức các kỳ đại hội, hội nghị chính trị - xã hội (550 triệu đồng), thuê tư vấn xác định giá đất (639 triệu đồng), cũng như các khoản chi quà tặng nhân dịp kỷ niệm, lễ tết (7.040,9 triệu đồng). Đối với nguồn dự phòng ngân sách năm 2025, tổng dự toán được giao là 1.203,5 triệu đồng. Trong đó, đã sử dụng và quyết toán chi ngân sách địa phương là 1.112,447 triệu đồng, toàn bộ dành cho chi thường xuyên. Cụ thể: chi sự nghiệp kinh tế 97 triệu đồng, chi an ninh quốc phòng

590,1 triệu đồng, chi quản lý nhà nước 125,347 triệu đồng, và chi hỗ trợ khắc phục mưa bão lớn, các nhiệm vụ khác 300 triệu đồng. Việc sử dụng và phân bổ nguồn dự phòng này được thực hiện đúng quy định tại Khoản 2, Điều 10 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015.

2. Chi chuyển nguồn sang năm sau:	17.473.545.173 đồng
3. Chi nộp ngân sách cấp trên:	2.109.300.640 đồng

(Kèm theo mẫu biểu số I, III)

II.4. Kết dư ngân sách địa phương.

Kết dư ngân sách địa phương năm 2025 (II-III): 0 đồng

III. THUYẾT MINH MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU TRONG TỔNG QUYẾT TOÁN THU NSNN, CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025:

1. Đánh giá công tác thu ngân sách nhà nước

Trong năm 2025, UBND phường đã tập trung chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp nhằm hoàn thành nhiệm vụ thu ngân sách. Các biện pháp chủ yếu gồm: thường xuyên tổ chức họp giao ban để kịp thời tháo gỡ khó khăn, xử lý tồn tại trong công tác thu; tăng cường tuyên truyền, hỗ trợ người nộp thuế; thực hiện tốt công tác kê khai, quản lý thuế, kiểm tra thuế và xử lý nợ thuế; phối hợp chặt chẽ với Thuế cơ sở 4-Thuế tỉnh Đắk Lắk và các cơ quan chuyên môn của phường trong việc quản lý các nguồn thu phát sinh trên địa bàn.

Nhờ sự chỉ đạo quyết liệt và sự phối hợp đồng bộ, kết quả thu ngân sách năm 2025 của phường đã vượt dự toán được giao. Tổng thu NSNN đạt hơn 232,5 tỷ đồng, bằng 1.357,89% dự toán; trong đó thu cân đối NSNN đạt hơn 229,7 tỷ đồng, bằng 1.341,73% dự toán. Các khoản thuế, phí và thu từ biện pháp tài chính đều tăng cao, đặc biệt là thu nội địa.

Tuy nhiên, quá trình triển khai vẫn còn một số khó khăn: tiến độ thu một số khoản phí, lệ phí còn phụ thuộc vào tình hình sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp và hộ kinh doanh; công tác quản lý thuế đối với hộ cá thể vẫn còn hạn chế, tình trạng nợ đọng thuế chưa được xử lý dứt điểm. Đây là những vấn đề cần tiếp tục được quan tâm, tháo gỡ để đảm bảo nguồn thu ổn định, bền vững trong những năm tiếp theo.

2. Đánh giá công tác chi Ngân sách nhà nước

Trong năm ngân sách 2025, phường Buôn Hồ đã triển khai công tác chi ngân sách theo đúng dự toán HĐND phường giao, bảo đảm đầy đủ chế độ, chính sách, tiền lương và các hoạt động thường xuyên của địa phương. Ngoài nguồn dự toán đầu năm, ngân sách còn phát sinh thêm các khoản chi từ nguồn dự phòng và tình bổ sung có mục tiêu, nhằm kịp thời thực hiện các chính sách mới, hỗ trợ an sinh xã hội, sắp xếp hành chính, cũng như phục vụ các hoạt động chính trị - xã hội và nhiệm vụ đột xuất.

Các khoản chi cho an sinh xã hội, tiền lương và chế độ được thực hiện đúng đối tượng, kịp thời, góp phần ổn định đời sống nhân dân và đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong bối cảnh sáp nhập, sắp xếp lại chính quyền hai cấp. Đồng thời, ngân sách cũng đáp ứng đầy đủ các nhiệm vụ chi thường xuyên, hỗ trợ cơ sở vật chất, chi quà tặng dịp lễ, tết và các khoản phát sinh khác, tất cả đều được bố trí và giải ngân đúng quy định, không để xảy ra tình trạng chậm trễ hay nợ đọng.

Nhìn chung, công tác chi ngân sách năm 2025 được điều hành chặt chẽ, kịp thời, phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương trong giai đoạn sáp nhập chính quyền, qua đó góp phần ổn định tổ chức bộ máy và bảo đảm an sinh xã hội trên địa bàn.

Trong năm 2025, UBND phường Buon Hồ đã thực hiện điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách Nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc. Cụ thể, kinh phí tiền lương và các khoản theo lương được giảm 3.047,5 triệu đồng tại 17 trường, đồng thời tăng 424,2 triệu đồng tại 7 trường. Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP cũng được điều chỉnh, giảm 13,1 triệu đồng tại 01 trường và tăng 1.187,4 triệu đồng tại 23 trường. Tổng số giảm dự toán là 3.060,6 triệu đồng, trong đó đã bố trí 1.611,6 triệu đồng để bù phần tăng dự toán. Đến thời điểm báo cáo, toàn bộ phần kinh phí còn lại 1.449 triệu đồng đã được phân bổ, bảo đảm sử dụng đúng mục đích, đúng quy định.

Đồng thời, căn cứ vào nhu cầu thực tế, UBND phường Buon Hồ đã phân khai, bổ sung dự toán chi ngân sách để triển khai các công trình cấp thiết trên địa bàn, gồm: hạ tầng giao thông, kiến thiết đô thị. Tổng kinh phí thực hiện là 3.837 triệu đồng, sử dụng từ nguồn QLHC tiết kiệm năm 2025 của UBND phường.

Tổng dự toán chi ngân sách năm 2025 của phường Buon Hồ là 337.580 triệu đồng. Nguồn chi này được hình thành trên cơ sở tiếp nhận nguyên trạng dự toán ngân sách của 06 phường cũ sau khi sáp nhập theo chủ trương của Trung ương, đồng thời thực hiện phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi từ ngân sách cấp thị xã về cấp phường, kết hợp với nguồn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh theo các quyết định và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

Do không được giao lại kế hoạch vốn đầu tư công, toàn bộ dự toán chi ngân sách năm 2025 của phường đều thuộc nhóm chi thường xuyên. Chi ngân sách năm 2025 thực hiện đạt 343.648 triệu đồng, đạt 101,8% kế hoạch năm. Các khoản chi đã tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm, thiết yếu, đảm bảo duy trì hoạt động của bộ máy hành chính và phục vụ các chính sách dân sinh trên địa bàn.

Các nội dung chi chủ yếu bao gồm: chi trả lương, phụ cấp và các chế độ chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức; chi thực hiện các chính sách an sinh xã hội theo quy định của Trung ương và địa phương; chi sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc, hội trường, cơ sở giáo dục; chi tổ chức Đại hội Đảng bộ, UBMT Tổ quốc phường và các hội đoàn thể nhiệm kỳ 2025-2030; chi hỗ trợ các hoạt động văn hóa - xã hội, quốc phòng, an ninh, chuyển đổi số và quản lý hành chính.

Đặc biệt, trong năm 2025, phường Buon Hồ đã thực hiện chi trả chế độ cho 57 trường hợp nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP, Nghị định số 67/2025/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết 07/2025/NQ-CP cho 13 trường hợp

với tổng kinh phí chi trả là 51.773 triệu đồng, được đảm bảo hoàn toàn từ nguồn bổ sung có mục tiêu của ngân sách cấp trên. Việc chi trả được thực hiện đúng đối tượng, đúng thời điểm, đảm bảo công khai, minh bạch và tuân thủ đầy đủ các quy định hiện hành. Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy hành chính sau sáp nhập, góp phần ổn định nhân sự và tạo điều kiện kiện toàn tổ chức bộ máy cấp phường. Đồng thời, phường cũng đã triển khai chi trả quà tặng cho người dân nhân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9, với tổng số tiền rút dự toán là 6.189,7 triệu đồng.

Trong năm 2025, thực hiện Quyết định số 01030/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc bổ sung có mục tiêu cho các xã, phường nhằm hỗ trợ nhiệm vụ chi tổ chức thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 15/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, phường Buôn Hồ được giao kinh phí 2.500 triệu đồng. Nguồn vốn đã được phân khai và sử dụng đúng mục đích, cụ thể: Cụm Panô cửa ngõ phường Buôn Hồ 1.670 triệu đồng; cải tạo, sửa chữa trụ sở HĐND-UBND phường 330 triệu đồng; cải tạo, sửa chữa Hội trường Đảng ủy 500 triệu đồng. Các hạng mục đã hoàn thành, góp phần phục vụ tốt công tác tổ chức, điều hành và nâng cao hiệu quả hoạt động của đơn vị hành chính sau sắp xếp.

Tiếp đó, thực hiện Quyết định số 02548/QĐ-UBND ngày 30/12/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk, UBND phường Buôn Hồ đã phân khai nguồn vốn 1.400 triệu đồng để triển khai sửa chữa trụ sở HĐND-UBND phường. Trước đó, phường đã chủ động bố trí kinh phí thực hiện một số hạng mục, tuy nhiên do trụ sở xuống cấp nhiều nên cần tiếp tục sửa chữa các hạng mục khác để đảm bảo tính đồng bộ, toàn diện. Công tác sửa chữa sẽ được triển khai trong năm 2026, nhằm khắc phục tình trạng xuống cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất, tạo môi trường làm việc khang trang, hiện đại, phục vụ tốt hơn cho hoạt động của bộ máy chính quyền và nhu cầu của nhân dân.

Tuy nhiên, công tác chi ngân sách vẫn còn một số tồn tại đáng lưu ý: tiến độ giải ngân bị ảnh hưởng do một số khoản kinh phí được giao muộn so với thời điểm phát sinh nhiệm vụ; một số nhiệm vụ mới sau sáp nhập chưa có hướng dẫn định mức cụ thể, gây lúng túng trong triển khai; việc phân bổ chi tiết cho các đơn vị còn hạn chế do chưa hoàn tất kiện toàn biên chế và cơ cấu tổ chức. Ngoài ra, một phần kinh phí vẫn đang được giữ lại để xử lý các nhiệm vụ phát sinh đột xuất, cấp bách trong những tháng cuối năm.

Triển khai thực hiện dự toán chi NSNN đã được thực hiện theo quy định. Song việc chấp hành các quy định về việc lập dự toán, nộp báo cáo quyết toán và công khai tài chính ở một số đơn vị còn thực hiện chậm, chưa thực hiện đúng các biểu mẫu báo cáo theo các văn bản hướng dẫn làm ảnh hưởng đến quá trình tổng hợp quyết toán ngân sách nhà nước.

3. Thuyết minh quyết toán thu, chi một số mục tiêu, nhiệm vụ khác:

a. Về nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2025

Căn cứ các quy định hiện hành và kết quả rà soát, tổng hợp từ các nguồn ngân sách, tổng nguồn thực hiện cải cách tiền lương năm 2025 của phường Buôn Hồ được xác định như sau:

Tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025: 1.062.240.000

đồng.

Tiết kiệm 10% chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2025 (trước sáp nhập, được giao nguyên trạng): 731.700.000 đồng.

Điều chỉnh giảm quỹ tiền lương, tiền thưởng do cán bộ, công chức, chuyên trách cấp xã nghỉ việc theo Nghị định số 178/2024/NĐ-CP và Nghị định số 67/2025/NĐ-CP: 527.0000000 đồng.

Kinh phí tiết kiệm từ thực hiện tinh giản biên chế (Nghị định 154/2025/NĐ-CP), trích tạo nguồn CCTL, nằm trong tồn quỹ ngân sách năm 2025: 84.811.896 đồng.

Nguồn CCTL của các phường kéo về theo chuyển đổi số liệu (bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên, thu chuyển nguồn và kết dư ngân sách) theo Công văn số 1164/STC-NSXP: 1.338.062.041 đồng.

Nguồn 70% tăng thu ngân sách thực hiện so với dự toán được HĐND tỉnh giao: 2.038.755.101 đồng;

Kinh phí CCTL theo đổi nguồn trong chuyển nguồn: 363.520.957 đồng

Kinh phí CCTL theo đổi nguồn trong Kết dư: 354.206.256 đồng

Dự toán chi còn lại ngân sách phường năm 2025 xây dựng phương án tạo nguồn CCTL: 243.435.771 đồng

Tổng cộng nguồn cải cách tiền lương năm 2025 của phường Buon Hồ là: 6.743.732.022 đồng.

b. Nguồn dự phòng

Trong năm 2025, nguồn dự phòng ngân sách cấp xã được bố trí theo đúng quy định tại Khoản 2, Điều 10 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015, với tổng dự toán 1.203,5 triệu đồng. Số đã sử dụng trong năm là 1.113,447 triệu đồng, còn lại cuối năm 90,053 triệu đồng.

Các khoản chi cụ thể:

Chi bảo đảm Quốc phòng -- An ninh: 299 triệu đồng

Chi quản lý nhà nước: 125,347 triệu đồng

Chi phát quang, duy tu sửa chữa tuyến đường Lê Duẩn: 70 triệu đồng

Chi khắc phục, sửa chữa tường rào Nhà văn hóa phường bị ngã đổ do mưa bão: 27 triệu đồng

Chi hỗ trợ đoàn liên ngành chống thất thu ngân sách: 33 triệu đồng

Chi phục vụ công tác khóa số, quyết toán NSNN: 20 triệu đồng

Chi hỗ trợ hộ nghèo khắc phục thiên tai: 250 triệu đồng

Chi cho hội nghị, kiểm tra, hỗ trợ lương DQTV...: 292,1 triệu đồng

Như vậy, việc sử dụng nguồn dự phòng ngân sách năm 2025 đã được phân bổ và giải ngân cho nhiều nhiệm vụ trọng tâm, bảo đảm đúng quy định, kịp thời và phù hợp với yêu cầu thực tiễn của địa phương, đồng thời vẫn còn một phần kinh phí chưa sử dụng sẽ tiếp tục được điều hành trong năm sau.

c. Về thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia

Căn cứ Quyết định số 953/QĐ-UBND ngày 15/8/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về

việc giao dự toán chi thường xuyên NSNN thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025, phường Buôn Hồ được bổ sung nguồn vốn 1.006 triệu đồng; đồng thời có nguồn vốn 421,973 triệu đồng chuyển nguồn từ năm 2024 sang năm 2025. Tổng nguồn vốn CTMTQG năm 2025 của phường là 1.427,973 triệu đồng, trong đó:

Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 894,3 triệu đồng (bao gồm 414,3 triệu đồng chuyển nguồn).

Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 533,673 triệu đồng (bao gồm 7,673 triệu đồng chuyển nguồn).

Đến cuối năm, số đã thực hiện và quyết toán là 1.033,106190 triệu đồng, trong đó:

Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 294,199,990 đồng

Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: 738,906,200 đồng

Như vậy, tỷ lệ giải ngân đạt khoảng 72,4% tổng nguồn vốn được giao. Các khoản chi chủ yếu tập trung vào hỗ trợ sinh kế, phát triển sản xuất, nâng cao năng lực cộng đồng, đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu và các hoạt động văn hóa - xã hội.

Riêng các nội dung liên quan đến dạy nghề, hỗ trợ việc làm chưa thực hiện được (Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Tiểu dự án 3 - Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS và MN: 150 triệu đồng; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững: Tiểu dự án 3 - Hỗ trợ việc làm bền vững: 80 triệu đồng). Nguyên nhân là do khó khăn trong việc tổ chức lớp đào tạo nghề, chưa có đủ đối tượng đăng ký tham gia và còn vướng mắc trong khâu phối hợp với cơ sở đào tạo.

Nhìn chung, công tác quyết toán vốn CTMTQG năm 2025 của phường Buôn Hồ đã được triển khai đúng quy định, đảm bảo minh bạch, kịp thời, góp phần thực hiện hiệu quả các mục tiêu giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn.

d. Về đầu tư công

Trong năm 2025, UBND phường Buôn Hồ không được giao làm chủ đầu tư các dự án đầu tư công trên địa bàn; các công trình hạ tầng, dự án trọng điểm đều do Ban Quản lý dự án chuyên ngành cấp tỉnh và Ban Quản lý dự án khu vực Buôn Hồ trực tiếp thực hiện. UBND phường chỉ thực hiện chức năng giám sát, phối hợp, nên việc nắm bắt nhu cầu thực tế của nhân dân và điều chỉnh quy hoạch cho sát tình hình còn hạn chế.

Quá trình triển khai còn gặp nhiều khó khăn như: chậm ban hành đơn giá đất và cây trồng, thiếu kinh phí giải phóng mặt bằng, một số hộ dân chưa đồng thuận, hợp đồng thi công quá hạn, sự phối hợp giữa các đơn vị liên quan chưa chặt chẽ. Một số dự án tiêu biểu như đường Hải Triều, đường vào trụ sở VKSND, đường Nơ Trang Long, đường Phan Chu Trinh, đường Âu Cơ... đều chậm tiến độ do vướng mắc thủ tục, bồi thường, giải phóng mặt bằng.

UBND phường đã tập trung tháo gỡ điểm nghẽn GPMB, phối hợp kiểm kê, xác minh nguồn gốc đất, vận động nhân dân hiến đất, đồng thời kiến nghị cấp có thẩm quyền sớm ban hành quyết định phê duyệt dự án, nghị quyết thu hồi đất, bổ sung kinh phí bồi thường và cho phép gia hạn hợp đồng đối với các dự án gián đoạn.

đ. Tình hình thu chi các hoạt động tài chính khác năm 2025

Ngoài nguồn kinh phí ngân sách nhà nước, UBND phường Buôn Hồ đã tích cực triển khai công tác huy động, quản lý và sử dụng các khoản thu khác ngoài ngân sách theo đúng quy định. Cụ thể, việc thực hiện Phương án số 05/PA-UBND ngày 05/8/2024 của UBND thị xã Buôn Hồ về huy động kinh phí khắc phục hệ thống phòng cháy, chữa cháy Chợ Buôn Hồ đã đạt kết quả khả quan: tổng số phải thu 506.122.000 đồng, đã thu 482.286.000 đồng (đạt 95,3%), với 185/188 hộ tham gia nộp, trong đó 177 hộ nộp đủ, còn lại 07 hộ chưa nộp. Bên cạnh đó, các khoản quỹ khác cũng được triển khai hiệu quả: Quỹ phòng chống thiên tai: số dư đầu năm 95,92 triệu đồng; thu trong năm 662,67 triệu đồng; chi 7,36 triệu đồng; số dư cuối năm còn 751,24 triệu đồng. Quỹ đền ơn đáp nghĩa: số dư đầu năm 207,84 triệu đồng; thu trong năm 27,08 triệu đồng; chi 162,94 triệu đồng; số dư cuối năm còn 71,99 triệu đồng..

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên Quỹ	Số dư đầu năm	Số thu trong năm	Số chi trong năm	Số dư cuối năm
1	Kinh phí khắc phục hệ thống phòng cháy, chữa cháy Chợ Buôn Hồ	256,286	226,000		482,286
2	Quỹ phòng chống thiên tai	95,920	662,671	7,355	751,236
3	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	207,840	27,082	162,936	71,986
	Tổng cộng	560,046	915,753	170,291	1.305,508

Nhìn chung, công tác thu chi ngoài ngân sách đã được thực hiện nghiêm túc, minh bạch, góp phần bổ sung nguồn lực cho địa phương, phục vụ các nhiệm vụ chính trị, xã hội và đảm bảo an toàn phòng cháy chữa cháy tại Chợ Buôn Hồ.

e. Công tác quản lý, sử dụng tài sản công năm 2025

Trong năm 2025, UBND phường Buôn Hồ đã triển khai nghiêm túc công tác quản lý, sử dụng tài sản công theo đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, tỉnh, thị xã. Phường đã tiếp nhận bàn giao nguyên trạng 126 cơ sở nhà, đất, trụ sở làm việc, cùng nhiều trang thiết bị, công cụ dụng cụ từ các phường cũ sau khi sáp nhập đơn vị hành chính. Toàn bộ tài sản được rà soát, kiểm kê, phân loại rõ ràng: tài sản đang sử dụng, tài sản hư hỏng cần sửa chữa, tài sản dôi dư chờ xử lý. Một số cơ sở nhà đất dôi dư đã được xây dựng phương án xử lý, tổ chức bán đấu giá hoặc cho thuê theo đúng quy định, góp phần khai thác hiệu quả quỹ đất công, tăng thu ngân sách và tránh lãng phí. Đồng thời, phường đã hiện đại hóa công tác quản lý bằng việc cập nhật dữ liệu vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, ứng dụng công nghệ thông tin để giám sát, theo dõi tình trạng sử dụng tài sản, bảo đảm công khai, minh bạch. Công tác thanh tra, kiểm tra được tăng cường, báo cáo định kỳ được thực hiện đầy đủ, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công, gắn với yêu cầu tinh gọn bộ máy, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí tại địa phương.

Phụ lục I (Biểu mẫu số 48)

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Quyết toán năm 2025	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	339.410.210.000	343.647.976.012	4.237.766.012	101,2
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	2.803.000.000	4.848.347.467	2.045.347.467	173,0
	Thu NSDP hưởng 100%	174.000.000	821.510.056	647.510.056	472,1
	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	2.629.000.000	4.026.837.411	1.397.837.411	153,2
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	336.607.210.000	336.031.799.231	(575.410.769)	99,8
	Thu bổ sung cân đối ngân sách	234.201.000.000	234.201.000.000	0	100,0
	Thu bổ sung có mục tiêu	102.406.210.000	101.830.799.231	-575.410.769	99,4
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			-	
IV	Thu kết dư		1.470.038.890	1.470.038.890	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		1.297.790.424	1.297.790.424	
VI	Thu từ các khoản hoàn trả giữa các cấp ngân sách		-	-	
VII	Các khoản huy động đóng góp		-	-	
VIII	Thu vay từ nguồn Chính phủ vay cho vay lại			-	
IX	Ghi thu tiền thuê đất, tiền sử dụng đất			-	
X	Thu từ nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài			-	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	338.222.628.123	343.647.976.012	5.425.347.889	101,6
I	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	240.970.185.123	230.637.885.245	(10.332.299.878)	95,7
1	Chi đầu tư phát triển			-	
2	Chi thường xuyên	240.970.185.123	230.637.885.245	(10.332.299.878)	95,7
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			-	
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			-	
5	Dự phòng ngân sách			-	
II	Chi các chương trình mục tiêu	97.252.443.000	93.427.244.954	(3.825.198.046)	96,1
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	1.006.000.000	1.033.106.190	27.106.190	102,7

STT	Nội dung	Dự toán năm 2025		Quyết toán năm 2025		So sánh	
		1	2	3=2-1	4=2/1		
A	B						
	Vốn đầu tư						
	Vốn thường xuyên	1.006.000.000	1.033.106.190	-	102,7		
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	96.246.443.000	92.394.138.764	(3.852.304.236)	96,0		
	Vốn đầu tư						
	Vốn thường xuyên	96.246.443.000	92.394.138.764	(3.852.304.236)	96,0		
III	Ghi chi từ nguồn ghi thu tiền thuê đất, tiền sử dụng đất						
IV	Chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài						
V	Chi chuyển nguồn sang năm sau						
VI	Chi nộp ngân sách cấp trên						
C	KẾT DƯ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG		17.473.545.173	17.473.545.173			
D	CHI TRẢ NỢ GỐC		2.109.300.640	2.109.300.640			
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc		-	-			
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh		-	-			
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG						
I	Vay để bù đắp bội chi		-	-			
II	Vay để trả nợ gốc		-	-			
G	TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG						
	Vay Ngân hàng phát triển		-	-			
	Vay từ nguồn Chính phủ vay cho vay lại		-	-			



KBNN KV XIV- PGD số 10

Kế toán

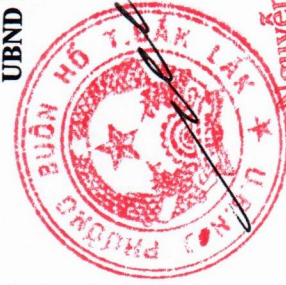
Uông Kế toán trưởng

Trưởng phòng



PHÒNG KINH TẾ, HẠ TÀNG
VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG

UBND PHƯỜNG



Đỗ Thị Thanh Thiệt

Nguyễn Ngọc Hùng

Phụ lục II (Biểu mẫu số 50)
QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

ST T	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)		Đơn vị tính: đồng
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	
	TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)	17.123.000.000	17.123.000.000	232.511.805.643	229.511.718.014	1.357,89%	1.340,37%	
A	TỔNG THU CÁN ĐỐI NSNN	17.123.000.000	17.123.000.000	229.743.976.329	226.743.888.700	1.341,73%	1.324,21%	
I	Thu nội địa	17.123.000.000	17.123.000.000	229.743.976.329	226.743.888.700	1.341,73%	1.324,21%	
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý	0	0	0	0			
-	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	0	0	0	0			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	0	0	0	0			
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	0	0			
-	Thuế tài nguyên	0	0	0	0			
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	0	0	587.269.356	587.269.356			
-	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	0	0	312.590.020	312.590.020			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	0	0	0	0			
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	0	0			
-	Thuế tài nguyên	0	0	274.679.336	274.679.336			
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	0	0	0	0			
-	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	0	0	0	0			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	0	0	0	0			
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	0	0			
-	Thu từ khí thiên nhiên	0	0	0	0			
-	Thuế tài nguyên	0	0	0	0			
-	Thu tiền thuế mặt đất, mặt nước	0	0	0	0			
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	10.078.000.000	10.078.000.000	44.497.126.522	44.497.126.522	441,53%	441,53%	441,53%

Đơn vị tính: đồng

ST T	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	Thu NSDP	Thu NSDP	So sánh (%)	Thu NSDP	Thu NSDP
		Tổng thu NSNN	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
	TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)	17.123.000.000	232.511.805.643	17.123.000.000	229.511.718.014	1.357,89%	1.340,37%	
-	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	9.646.000.000	40.246.816.145	9.646.000.000	40.246.816.145	417,24%	417,24%	
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất - kinh doanh trong nước	400.000.000	379.613.835	400.000.000	379.613.835	94,90%	94,90%	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	3.839.961.272	0	3.839.961.272			
-	Thuế tài nguyên	32.000.000	30.735.270	32.000.000	30.735.270	96,05%	96,05%	
5	Thuế thu nhập cá nhân	5.943.000.000	21.435.768.916	5.943.000.000	21.435.768.916	360,69%	360,69%	
6	Thuế bảo vệ môi trường	0	0	0	0			
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa sản xuất, kinh doanh trong nước	0	0	0	0			
-	Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0	0	0			
7	Lệ phí trước bạ	0	0	0	0			
8	Thu phí, lệ phí	731.000.000	35.022.828.134	731.000.000	35.022.828.134			
-	Phí và lệ phí trung ương	0	3.954.299.294	0	2.683.862.055	540,94%	367,15%	
-	Phí và lệ phí tỉnh	0	1.270.437.239	0	0			
-	Phí và lệ phí huyện	0	1.018.131.999	0	1.018.131.999			
-	Phí và lệ phí xã, phường	0	676.324.000	0	676.324.000			
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	731.000.000	989.406.056	731.000.000	989.406.056	135,35%	135,35%	
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	151.000.000	441.175.891	151.000.000	441.175.891	292,17%	292,17%	
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	0	787.900.354	0	787.900.354			
12	Thu tiền sử dụng đất	0	120.431.670.980	0	120.431.670.980			
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	0	19.800.000	0	19.800.000			
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	0	0	0	0			
-	Thuế giá trị gia tăng	0	0	0	0			
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0	0	0			
-	Thu từ thu nhập sau thuế	0	0	0	0			
-	Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	0	0	0			
-	Thuế môn bài	0	0	0	0			
-	Thu từ các quỹ của doanh nghiệp xổ số kiến thiết theo quy định	0	0	0	0			
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	0	0	0	0			

Đơn vị tính: đồng

ST T	Nội dung	Dự toán	Thu NSĐP	Quyết toán	Thu NSĐP	So sánh (%)	Thu NSĐP
		Tổng thu NSNN		Tổng thu NSNN		Tổng thu NSNN	
	TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)	17.123.000.000	17.123.000.000	232.511.805.643	229.511.718.014	1.357,89%	1.340,37%
16	Thu khác ngân sách	147.000.000	147.000.000	2.566.136.882	836.486.492	1.745,67%	569,04%
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	73.000.000	73.000.000	0	0	0,00%	0,00%
18	Thu hồi vốn, thu cổ tức	0	0	0	0		
19	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước	0	0	0	0		
20	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước	0	0	0	0		
II	Thu từ đầu thô	0	0	0	0		
III	Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	0	0	0	0		
1	Thuế xuất khẩu	0	0	0	0		
2	Thuế nhập khẩu	0	0	0	0		
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0	0	0		
4	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0	0	0		
5	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu	0	0	0	0		
6	Thu khác	0	0	0	0		
IV	Thu viện trợ	0	0	0	0		
B	THU TỪ QUỸ DỰ TRÙ TÀI CHÍNH	0	0	0	0		
C	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC	0	0	1.470.038.890	1.470.038.890		
D	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC	0	0	1.297.790.424	1.297.790.424		
	CHUYỂN SANG						

KBNN KV XIV- PGD số 10

Kế toán  Kế toán trưởng Trưởng phòng

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG

UBND PHƯỜNG



Lê Thị Thanh Thriet

Nguyễn Ngọc Hùng

Phụ lục III (Biểu mẫu số 51)
QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025
(Dùng cho ngân sách các cấp chính quyền địa phương)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Dự toán chi NSDP	Quyết toán	So sánh (%)
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	337.580.655.123	343.647.976.012	101,8
	TỔNG CHI CÂN ĐỐI VÀ MỤC TIÊU NHIỆM VỤ (A+B)	337.580.655.123	324.065.130.199	96,0
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	240.328.212.123	230.237.886.045	95,8
I	Chi đầu tư phát triển	-	-	
1	Chi đầu tư phát triển	-	-	
1.1	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>	-	-	
	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	-	-	
	Chi khoa học và công nghệ	-	-	
1.2	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>	-	-	
a	Chi ĐTXDCB từ nguồn TW cân đối vốn trong nước	-	-	
b	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	-	-	
	- Chi thực hiện dự án đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	-	-	
	- Bổ sung Quỹ phát triển Nhà - Đất	-	-	
	- Chi thực hiện các dự án, chi khác	-	-	
c	Chi đầu tư từ nguồn tiền bán nhà	-	-	
d	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	-	-	
e	Chi đầu tư từ nguồn địa phương vay lại	-	-	
f	Chi đầu tư từ nguồn vốn khác	-	-	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	-	-	
3	Chi đầu tư phát triển khác	-	-	
II	Chi thường xuyên	240.328.212.123	230.237.886.045	95,8
	<i>Trong đó:</i>	-	-	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	176.256.690.000	177.308.112.913	100,6
2	Chi khoa học và công nghệ	200.000.000	198.270.000	99,1
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	-	-	
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	-	-	
V	Dự phòng ngân sách	-	-	
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-	-	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	97.252.443.000	93.827.244.154	96,5
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	1.006.000.000	1.033.106.190	102,7
1	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	-	-	
	- Vốn đầu tư	-	-	
	- Kinh phí sự nghiệp	-	-	
2	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	480.000.000	738.906.200	153,9
	- Vốn đầu tư	-	-	
	- Kinh phí sự nghiệp	480.000.000	738.906.200	153,9
3	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS và miền núi	526.000.000	294.199.990	55,9
	- Vốn đầu tư	-	-	
	- Kinh phí sự nghiệp	526.000.000	294.199.990	55,9
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	96.246.443.000	92.794.137.964	96,4
1	Vốn đầu tư	-	-	
a	Vốn nước ngoài	-	-	
	Vốn nước ngoài thực hiện ghi thu ghi chi	-	-	
	Vốn nước ngoài giải ngân theo cơ chế trong nước	-	-	
b	Vốn trong nước	-	-	
	Đầu tư các dự án từ nguồn vốn trong nước	-	-	
2	Vốn sự nghiệp	96.246.443.000	92.794.137.964	96,4
a	Vốn nước ngoài thực hiện ghi thu ghi chi	-	-	
b	Vốn trong nước	96.246.443.000	92.794.137.964	96,4
	Kinh phí sử dụng SP, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2025, tại QĐ số 749/QĐ-UBND ngày 26/3/2025 của UBND thị xã.	683.000.000	683.000.000	100,0
	Bổ sung cơ mục tiêu theo QĐ số 1054/ QĐ-UBND ngày 23/04/2025 của UBND thị xã Buôn Hồ về xóa nhà dột, nát	180.000.000	180.000.000	100,0
	Kinh phí hỗ trợ Đại hội Đảng bộ cấp xã nhiệm kỳ 2025-2030	200.000.000	200.000.000	100,0
	KP xóa nhà tạm, nhà dột nát trên địa bàn tỉnh theo mức hỗ trợ quy định tại nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐND ngày 05/4/2025 của HĐND tỉnh	66.000.000	66.000.000	100,0

STT	Nội dung	Dự toán chi NSDP	Quyết toán	So sánh (%)
	Kinh phí hỗ trợ các nhiệm vụ chi thực hiện sắp xếp hành chính cấp xã	2.500.000.000	2.496.802.000	99,9
	Tặng quà người dân dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 02/9	6.189.700.000	5.918.200.000	95,6
	Kinh phí thực hiện chế độ theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP và Nghị định 67/2025/NĐ-CP	44.010.943.000	44.010.943.000	100,0
	Kinh phí thực hiện chế độ theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP và Nghị định 67/2025/NĐ-CP	6.149.300.000	6.149.300.000	100,0
	Điều chỉnh các nhiệm vụ từ ngân sách cấp trên về xã	29.634.000.000	28.553.621.464	96,4
	Kinh phí thực hiện chế độ theo Nghị định 178/2024/NĐ-CP và Nghị định 67/2025/NĐ-CP	325.124.000	325.124.000	100,0
	Chi trả chính sách hỗ trợ CBCCVC chịu tác động do sắp xếp theo NQ 02/2025/NQ-HĐND	154.000.000	135.000.000	87,7
	Kinh phí chi trả, chính sách, chế độ theo Nghị quyết theo Nghị quyết 07/2025/NQ-CP	1.287.576.000	1.287.576.000	100,0
	Kinh phí bổ sung chi trả tiền công hợp đồng theo NĐ 111	402.000.000	402.000.000	100,0
	Kinh phí bổ sung tổ chức Đại hội đại biểu Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, nhiệm kỳ 2025-2030	350.000.000	350.000.000	100,0
	Kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ phát sinh (Quy định 196-QĐ/TU, chi hoạt động)	500.000.000	500.000.000	100,0
	Kinh phí đảm bảo cơ sở vật chất phục vụ sắp xếp ĐVHC (đợt 2)	1.400.000.000	-	-
	KP thực hiện thuê đơn vị tư vấn xác định giá đất cụ thể	639.000.000	-	-
	Kinh phí hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập; miễn, giảm học phí cho học sinh, sinh viên theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ	346.000.000	327.171.500	94,6
	Kinh phí tặng quà của Đảng và Nhà nước nhân dịp ĐH Đảng và Tết Nguyên đán	871.600.000	851.200.000	97,7
	Kinh phí thực hiện các chế độ chính sách dân quân tự vệ	123.000.000	123.000.000	100,0
	Kinh phí thực hiện khám nghĩa vụ quân sự và CAND năm 2026	231.000.000	231.000.000	100,0
	Kinh phí chi trả chế độ thôi việc cho đội công tác phát động quần chúng	4.200.000	4.200.000	100,0
C	GHI CHI TIỀN THUÊ ĐẤT, TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT	-	-	-
	Ghi chi tiền thuê đất	-	-	-
	Ghi chi tiền sử dụng đất	-	-	-
D	CHI TỪ NGUỒN VIỆN TRỢ KHÔNG HOÀN LẠI CỦA NƯỚC NGOÀI	-	-	-
E	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-	17.473.545.173	-
F	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-	2.109.300.640	-

KBNN KV XIV- PGD số 10

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG
VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG

UBND PHƯỜNG

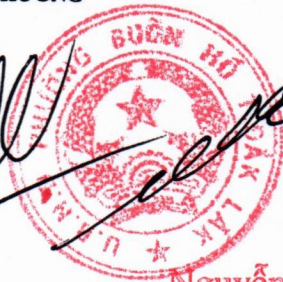
Kế toán

Kế toán trưởng

Trưởng phòng



Lê Thị Thanh Thiết



Nguyễn Ngọc Hùng